| Title & Abstract | What question were the investigators asking? | thảo luận về các biến thể của nó trong các cài đặt khác nhau. |
| --- | --- | --- |
| What techniques did they use? | Sử dụng các đoạn code bằng ngôn ngữ R. |
| What were their major results? | Đưa ra được những ưu và nhược điểm của thuật toán NB và một số lỗ hổng với những đoạn code triển khai |
| What conclusions did they draw? | Đối với từng ứng dụng riêng cho từng biến thể thì nó sẽ đạt được mức độ chính xác khác nhau |
| Introduction | Why did they start? | Phân loại dữ liệu đóng một vai trò quan trọng trong MLDA, và NB có một vị trí trong việc phân loại dữ liệu. |
| Why is this research important? | Thông qua bài báo, có thể cho biết được mức độ chính xác của các biến thể của thuật toán NB. Từ đó, có thể biết được chất lượng của output. |
| Is it justified (review of literature?) What is the research question/s of interest (purpose/objectives) or hypothesis? |  |
|  | Terms defined? |  |
| Methods | What did they do? |  |
| Flow execution |  |
| Results | What did they find? | Tìm ra được điểm mạnh và điểm yếu của thuật toán NB, các ứng dụng của NB. |
| Were the number of subjects in each group or subgroup used in the analysis specified? | Phân vùng tập dữ liệu và huấn luyện theo thuật toán NB sẽ tuân theo quy ước về tỷ lệ mẫu 80:20 trong việc phân vùng tập dữ liệu thành tập huấn luyện (trainSet) và tập dữ liệu kiểm tra (testSet). |
| Were the subject characteristics summarized? | Các đặc điểm của chủ đề (ứng dụng, đánh giá và lỗ hỏng) đã được tóm tắt cả về lý thuyết lẫn đoạn mã thực thi. |
| Did the results relate to the specified objective/hypotheses? | Đối với từng mô hình được được thực hiện trên nhiều trường hợp thử nghiệm nhằm đưa ra kết quả. |
| Do the tables and figures “speak for themselves?” | Các bảng và số liệu đã nói lên kết quả trong việc huấn luyện theo thuật toán. |
| Are the tables adequately titled, labeled? | Các bảng được đặt tiêu đề đầy đủ. |
| Conlusion | What do the results mean? | NB được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau bao gồm dự đoán lỗi phần mềm, sức khỏe, an ninh mạng và giáo dục. NB cũng hoạt động tốt so với các thuật toán khác trong cùng một trường hợp. |
| Did authors discuss the results in relations to the objectives/hypotheses? | Kết quả trong bài báo có mối liên hệ với giả thuyết được đặt ra ở đầu bài. |
| Were the results discussed in relation to those from similar studies? | Trong quá trình nghiên cứu, nhóm tác giả đã tham khảo và có sử dụng các kết quả từ các công trình nghiên cứu khác để phát triển bài báo. |
| Are the authors justified in the strength of the statements they make in the study? |  |
| Did they offer alternative explanations for results? | Nhóm tác giả có đưa ra giải thích về kết quả. |